

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/01/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn và
đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ – TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lại Thị Khánh

2. Bà Trần Hương Viên

- Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc -Kiểm
sát viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô,
tỉnh KonTum.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện Đắk Tô,
tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
54/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Lê Trọng C, sinh năm 1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Hồng Q, sinh năm 1964;

- Bà Lại Thị H, sinh năm 1963;

- Anh Vũ Ngọc P, sinh năm 1993

- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Khối 7, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, đều có đơn
xin xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng A;

Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T- Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đ.

Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng A- Chi nhánh huyện Đ tham gia tố tụng: Anh Trần Thiện Đình N - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. (Có mặt).

4. Người làm chứng:

Chị Lê Thị H – Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn ĐRL, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Vũ Thị L trình bày :

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và anh C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay cãi vã, không hòa hợp trong cuộc sống. Anh C có hành vi bạo lực gia đình đối với tôi, tôi phải nhờ Công an thị trấn can thiệp. Mặc dù đã cố hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Tới thời điểm hiện tại, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Lê Vũ Minh H, sinh ngày 13/12/2011 và Lê Vũ Kim T, sinh ngày 14/01/2019. Tôi có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định, cháu Thư còn quá nhỏ, nguyện vọng cháu H muốn ở với với mẹ và em gái, không muốn ở với ba vì cháu sợ. Hiện tại cháu học tại trường nơi tôi công tác, thuận lợi cho mẹ và con trong việc đưa đón và chăm sóc, anh C công việc và thu nhập không ổn định, vì vậy sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi và chăm sóc cả 02 cháu, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tôi có 01 thửa đất khoảng 160m², trên đất có 01 căn nhà cấp 04 do vợ chồng tự tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, trị giá nhà, đất theo định giá của hội đồng là 487.025.083 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 02/12/2021, chúng tôi đã thỏa thuận, tôi sẽ nhận nhà và đất và trả lại phần tiền chênh lệch cho anh C. Về tài sản chung là các vật dụng trong gia đình, anh C đã rút yêu cầu này, tôi không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về nợ chung:** Tôi yêu cầu vợ chồng liên đới trả các khoản vay tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ bao gồm: khoản vay 100.000.000 đồng có thể chấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ký ngày 05/5/2020; khoản vay 50.000.000 đồng ký ngày 02/02/2021; khoản vay thấu chi 50.000.000 đồng ký ngày 21/12/2020. Đối với các yêu cầu của bố, mẹ, em trai tôi và anh Nguyễn Thành T, tất cả đã rút yêu cầu, tôi không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí, chi phí xem xét, định giá:** Tôi tự nguyện chịu án phí ly hôn, còn lại án phí chia tài sản chung, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong các bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Lê Trọng C trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn theo chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng hiện không còn. Trong cuộc sống, chị L không có sự tôn trọng đối với chồng và gia đình chồng, nên tôi có nóng nảy đánh vợ tôi. Nay tôi thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Lê Vũ Minh H, sinh ngày 13/12/2011 và Lê Vũ Kim Thư, sinh ngày 14/01/2019. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nhận nuôi cháu Lê Vũ Minh H, chị L nuôi cháu Thư, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, vì một mình chị L với mức lương như vậy không thể nuôi được hai con. Tôi hiện đang ở với bố ruột và có thu nhập từ việc thu hoạch cao su tại thôn 7 xã K, huyện Đ, ngoài ra tôi có buôn bán thêm ở ngoài nên có khả năng nuôi cháu Huy ăn học.

- **Về tài sản chung:** Như vợ tôi trình bày là đúng, tài sản chung vợ chồng tôi có 01 thửa đất khoảng 160m², trên đất có 01 căn nhà cấp 04 do vợ chồng tôi cùng xây dựng, tạo lập, giá nhà đất theo định giá là 487.025.083 đồng. Khi ly hôn, tôi đồng ý để lại nhà cho chị L, chị L phải trả cho tôi ½ giá trị tài sản. Đối với phần chia tài sản chung là các vật dụng trong gia đình, vợ chồng tôi đã thỏa thuận được, tôi đã nộp đơn xin rút yêu cầu về vấn đề này, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung:** Tôi đồng ý liên đới trả khoản vay 100.000.000 đồng tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ do hai vợ chồng cùng vay, mỗi người trả 50.000.000 triệu. Chị L nhận nhà đất thì có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên, trừ qua số tiền chênh lệch phải thanh toán cho tôi, còn lại những khoản nợ khác do chị L tự vay để đầu tư bán hàng đa cấp trên mạng, làm ảnh hưởng xấu đến kinh tế gia đình, tôi hoàn toàn không biết, cũng không nói với tôi nên tôi không đồng ý trả.

- **Về án phí, chi phí xem xét, định giá:** Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án:

- Vợ chồng ông Vũ Hồng Q và bà Lại Thị H trình bày: Ngày 10/01/2015, chúng tôi có cho vợ chồng con gái tôi là Vũ Thị L vay 150.000.000 đồng để xây nhà.

Lúc đó vợ chồng con gái tôi khó khăn, cháu ngoại hay đau ốm, con rể không có việc làm nên chúng tôi đã đi vay sổ đỏ đứng tên vợ chồng tôi, người vay là bà Hoa tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ. Nay vợ chồng con gái tôi ly hôn, chúng tôi đề nghị vợ chồng con gái tôi trả nợ cho chúng tôi khoản vay trên.

- Ông Vũ Hồng Q trình bày: Từ ngày 11/12/2014 đến ngày 16/02/2015, tôi có phụ xây nhà, đào giếng, công trình phụ, làm cổng và xây tường rào cho vợ chồng con gái là Vũ Thị L và Lê Trọng C, tổng cộng là 62 công, quy ra là 18.600.000 đồng (300.000 đồng/công), tôi cho 02 vợ chồng chị L nợ. Nay vợ chồng con gái tôi ly hôn, tôi đề nghị vợ chồng chị L, anh C trả tôi số tiền trên.

- Anh Vũ Ngọc P trình bày: Từ ngày 11/12/2014 đến ngày 16/02/2015, tôi có phụ xây nhà, đào giếng, công trình phụ, làm cổng và xây tường rào cho vợ chồng chị gái là Vũ Thị L và Lê Trọng C, tổng cộng là 58 công, quy ra là 17.400.000 đồng (300.000 đồng/công), tôi cho 02 vợ chồng chị tôi nợ. Nay chị L và anh C ly hôn, tôi đề nghị vợ chồng chị L, anh C trả tôi số tiền nêu trên.

Trước khi mở phiên tòa ngày 14/01/2022, ông Q, bà H và anh P có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập và xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Thành T trình bày:

Vào khoảng tháng 3/2019, tôi có gửi tại nhà anh C, chị L 02 cây hoa Mai, loại Mai vàng để nhờ anh C chăm sóc vì nhà tôi không có chỗ để, với lại anh C cũng là người biết chăm cây. Đến tháng 03/2021, tôi mua lại 01 cây Mai của chính vợ chồng anh Cường, chị L và cũng gửi tại nhà vợ chồng họ, tổng cộng là 03 cây.

Nay vợ chồng họ mâu thuẫn, tranh chấp tài sản có liên quan đến 03 cây Mai tôi gửi nên tôi đã xin phép họ và chính quyền được lấy 03 cây Mai là tài sản của tôi về, anh C đồng ý trả lại cho tôi, nhưng chị L chửi bới, giữ lại cây, không cho phép tôi lấy lại tài sản của tôi và còn kê khai vào tài sản chung của 02 vợ chồng là không đúng. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô giải quyết buộc chị L trả lại tài sản là 03 cây Mai cho tôi.

Đến ngày 21/10/2021, anh T có đơn xin rút yêu cầu độc lập và xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong văn bản số 269/NHNo-ĐT ngày 30/8/2021 và văn bản số 278/NHNo-ĐT ngày 14/9/2021 của Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ – Anh Trần Thiện Đình N trình bày:

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng: Anh Lê Trọng C và chị Vũ Thị L có vay vốn tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5101-LAV-202001461 ký ngày 05/5/2020, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng 05/5/2023, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BK 195954 do UBND huyện Đắk Tô cấp ngày 11/11/2014. Hiện tại khoản vay trên chưa đến hạn,

khách hàng cũng không vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Ngân hàng đồng ý với thỏa thuận khi ly hôn, ai là người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thì có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng để thuận tiện trong việc thu hồi vốn.

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5101-LAV-202100403 ký ngày 02/02/2021, thời hạn vay 24 tháng, hạn trả cuối cùng 02/02/2023, vay trừ lương hàng tháng, dư nợ đến 14/01/2022 là 26.900.000 đồng. Đối với khoản vay thấu chi theo hợp số 5101-LAV-202004006 ký ngày 21/12/2020, hạn mức thấu chi là 50.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 21/12/2021, dư nợ đến ngày 14/01/2022 là 48.700.000 đồng. Hai khoản vay này do cá nhân khách hàng Vũ Thị L đứng tên vay riêng, không có chữ ký của anh C, hàng tháng chị L là người trả lãi và gốc, hiện tại vẫn trả đúng hạn, ngân hàng đề nghị chị L thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2021, chị Lê Thị H trình bày: Chị có quan hệ họ hàng với ông Q, bà H, chị L gọi chị là Thím. Khoảng vào năm 2015 hay 2016, chị có biết việc ông Q bà H vay ngân hàng cho chị L vay lại, chị chứng kiến bà H có đưa tiền cho chị L nhưng không biết bao nhiêu, không có anh C ở đó.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Trọng C vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện ngân hàng A chi nhánh huyện Đ vẫn giữ nguyên ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Vũ Thị L và bị đơn anh Lê Trọng C đều thừa nhận mục đích hôn nhân không còn, cuộc sống không hạnh phúc, cả hai thuận tình ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Anh C và chị L có 02 con chung là cháu Lê Vũ Minh H và Lê Vũ Kim T. Cháu H có nguyện vọng muốn ở chung với mẹ, còn cháu T dưới 36 tháng tuổi, cháu H hay ốm đau, cháu đi học ở trường nơi mẹ làm việc, tâm lý của cháu bị ảnh hưởng khi chứng kiến cha mẹ xảy ra cãi vã, xô xát nên cháu cảm thấy lo sợ khi ở với bố. Đồng thời chị L có công việc, thu nhập ổn định, anh C không chứng minh được thu nhập để đảm bảo cuộc sống khi nuôi con, bị xử phạt hành chính về hành vi bạo lực gia đình nên thấy cần giao cả hai cháu cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đồ gia dụng trong nhà nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được, bị đơn đã rút yêu cầu phản tố bổ sung. Đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 195954 do

UBND huyện Đắk Tô cấp ngày 11/11/2014, trị giá: 487.025.083 đồng, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đây là tài sản chung cả hai cùng tạo lập trong thời kì hôn nhân, công sức đóng góp là ngang nhau. Vì vậy nguyên đơn và bị đơn mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$, ai nhận nhà và đất sẽ thanh toán số tiền chênh lệch cho người kia.

- Về nợ chung: Số nợ ngân hàng A 100.000.000 đồng cả anh C và chị L đều thừa nhận đây là nợ chung nên cả hai phải liên đới chịu trách nhiệm trả. Chị L nhận nhà đất nên đồng ý trả nợ toàn bộ số tiền này.

Đối với số nợ 50.000.000 đồng vay thấu chi và 50.000.000 đồng vay đời sống, anh C không thừa nhận đó là nợ chung, chị L cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã dùng số tiền vay này để dùng chi tiêu gia đình nên không thể xác định đây là nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 27, 29, 30, 33, 37, 38, 39, 45, 59, 60, 62, 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn
- Về yêu cầu độc lập: Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hồng Q; ông Vũ Ngọc P; bà Lại Thị H và ông Nguyễn Thành T.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ Điều 157, điều 158, điều 165, điều 166 BLTTDS 2015, nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu một nửa.

- Về án phí: Căn cứ điều 144, điều 147, điều 218, điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 điều 26, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Trọng C, bị đơn có nơi cư trú tại khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý, anh C có đơn yêu cầu chia tài sản chung và các khoản nợ chung của hai vợ chồng. Ông Vũ Hồng Q, bà Lại Thị H, anh Vũ Ngọc P, anh Nguyễn Thành T có đơn yêu cầu độc lập về việc đòi lại tài sản. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại*

tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị L và anh Lê Trọng C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã, không có sự tôn trọng lẫn nhau, đỉnh điểm khi anh C có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L, bị Công an thị trấn Đắc Tô xử phạt hành chính khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, nên chị L đã nộp đơn xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án phân tích, động viên hòa giải, nhưng các đương sự không đồng ý đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều đồng ý ly hôn, vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh C.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh C có 02 con chung là cháu Lê Vũ Minh H, sinh ngày 13/12/2011 và cháu Lê Vũ Kim T, sinh ngày 14/01/2019. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng; anh C đề nghị được nuôi cháu H, còn chị L nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu T sinh ngày 14/01/2019, đến ngày xét xử cháu mới được 36 tháng tuổi, còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, hiện tại cháu cũng đang ở với chị L, anh C cũng không có ý kiến gì về việc giành quyền nuôi cháu T, vì vậy giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Đối với cháu H, sinh ngày 13/12/2011, đã được 10 tuổi, chị L và anh C đều có nguyện vọng nuôi cháu H. Xét thấy, về điều kiện nuôi con, chị L có việc làm, có thu nhập và chỗ ở ổn định, ngoài công việc là Kế toán, chị L còn có thêm thu nhập từ công việc bán hàng online, được bố mẹ cho 300 cây cao su đang thời kỳ thu hoạch. Đối với anh C, hiện là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định như chị L, anh C trình bày bản thân là con út, đang ở nhà với bố ruột, được bố để lại nhà và cao su để thu hoạch tại thôn 7 xã K, huyện Đ nhưng chưa được sang tên hay tặng cho theo quy định của pháp luật. Cháu H hiện tại đang sống cùng mẹ và em gái, đang là học sinh lớp 5 Trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm nơi chị L đang công tác, tại bản tự khai ngày 05/8/2021 và ngày 13/12/2021, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ và em gái, không muốn ở với ba vì ba đánh mẹ và hay la mắng cháu. Trong quá trình chung sống, anh C có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Liễu, làm ảnh hưởng đến tâm lý các con. Cháu H đang đến độ tuổi phát triển về học thức, thể chất, tâm sinh lý nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy, để tránh gây xáo trộn cuộc sống của cháu, thuận lợi trong việc học hành và đảm bảo cho cháu H được phát triển

tốt về mọi mặt, hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Vũ Minh H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tại phiên tòa, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung:

[2.3.1] Đối với yêu cầu của anh Lê Trọng C về việc chia nhà và đất: Chị L và anh C đều thừa nhận vợ chồng tạo lập được tài sản chung là thửa đất diện tích khoảng 160 m², trên đất có 01 căn nhà cấp 04, các đương sự thống nhất giá nhà, đất theo định giá của hội đồng là 487.025.083 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 02/12/2021, chị L và anh C đã thỏa thuận được, chị L sẽ nhận nhà và trả lại cho anh C ½ giá trị tài sản. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3.2] Đối với yêu cầu của anh Lê Trọng C về việc chia các tài sản chung là các vật dụng, đồ dùng trong gia đình gồm:

- 01 cây Mai tự ghép, trị giá 2.000.000đ;
- 01 cây Hoa giấy, trị giá 2.000.000đ;
- 01 Tủ lạnh, trị giá 3.000.000đ;
- 01 Máy lọc nước, trị giá 4.000.000đ;
- 01 Máy giặt, trị giá 4.000.000đ;
- 01 Tivi, trị giá 5.000.000đ;
- 01 bộ Bàn ghế phòng khách bằng gỗ Giỏi, trị giá 30.000.000đ;
- 01 bộ Bàn ghế phòng ăn bằng gỗ Giỏi, trị giá 10.000.000đ;
- 01 bộ Bàn ghế góc, rễ gỗ Giỏi, trị giá 20.000.000đ;
- 01 bộ phản 02 tấm bằng gỗ Muồng, trị giá 10.000.000đ;
- 01 tượng phật Di lặc bằng gỗ Hương, trị giá 20.000.000đ;
- 01 tượng ông Thọ, 01 tượng đực ngựa, 01 đồng hồ gỗ. Toàn bộ được làm bằng gỗ Hương và gỗ nu trị giá 20.000.000đ;
- 01 tấm mặt bàn kích thước dài 02m, rộng 70cm bằng gỗ Giỏi trị giá 4.000.000đ;
- 01 xe máy SH biển kiểm soát 82V1 – 03323 trị giá 50.000.000đ;
- 01 xe máy Honda RSX biển kiểm soát 82V1 – 04082 trị giá 10.000.000đ.

Ngày 15/11/2021, anh C đã có đơn xin rút yêu cầu, xét việc rút yêu cầu của anh C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung:

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ theo hợp

đồng tín dụng số 5101-LAV-202001461 ngày 05/5/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BK 195954 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/11/2014 đứng tên Lê Trọng C và Vũ Thị L. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng, anh C và chị L đều xác nhận khoản vay trên là hai vợ chồng cùng vay, anh C và chị L chấp nhận liên đới trả cho ngân hàng, các đương sự thỏa thuận được về việc chị L là người được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, nên phải trả toàn bộ số tiền trên cho ngân hàng và đối trừ nghĩa vụ trong việc thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh Cường. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5101-LAV-202100403 ngày 02/02/2022, dư nợ đến 14/01/2022 là 26.900.000 đồng và khoản vay thấu chi theo hợp đồng số 5101-LAV-202004006 ngày 21/12/2020, dư nợ đến ngày 14/01/2022 là 48.700.000 đồng. Xét thấy, 02 khoản vay trên đều do một mình chị L vay, lúc vay không có mặt anh Cường, hợp đồng không có chữ ký của anh Cường, anh C không thừa nhận hai khoản vay trên, chị L cũng không chứng minh được việc dùng hai khoản tiền vay trên vào việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Thành T về việc đòi lại tài sản là 03 cây hoa Mai vàng. Ngày 21/10/2021, anh T đã có đơn xin rút đơn yêu cầu, xét việc rút đơn của anh T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

Đối với yêu cầu đòi lại số tiền 150.000.000 đồng của ông Q bà H cho vợ chồng chị L, anh C vay; yêu cầu của ông Vũ Hồng Q về việc đòi số tiền công làm nhà và công trình phụ là 18.600.000 đồng và yêu cầu của anh Vũ Ngọc P về việc đòi số tiền là 17.400.000 đồng đối với vợ chồng anh C, chị L. Trước khi mở phiên tòa, ông Q, bà H và anh P đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu, xét việc rút đơn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[2.6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng không vi phạm nghĩa vụ trả tiền, khoản vay cũng chưa đến hạn, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu thu hồi vốn nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí:

[3.1] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 2.900.000 đồng. Chị L và anh C mỗi người chịu một nửa, anh C đã nộp tạm ứng đủ 2.900.000 đồng, chị L phải trả lại cho anh C 1.450.000 đồng.

[3.2] Án phí:

- Về án phí ly hôn: Chị L và anh C thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí là 150.000 đồng, chị L tự nguyện chịu toàn bộ.

- Về án phí chia tài sản chung: Chị L và anh C thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% mức án phí tương ứng với

phần giá trị tài sản được chia. Cụ thể, án phí anh C và chị L mỗi người phải chịu là: 5% x (487.025.083 : 2) x 50% = 6.087.813 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Lại Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trả lại cho anh Nguyễn Thành T, anh Vũ Ngọc P và ông Vũ Hồng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 217, 218, 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 35, 37, 38, 51, 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Lê Trọng C.

[2] Về con chung:

Giao hai con chung là Lê Vũ Minh H, sinh ngày 13/12/2011 và Lê Vũ Kim T, sinh ngày 14/01/2019 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị L và anh Lê Trọng C về việc chia tài sản chung. Chị L được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BK 195954, được UBND huyện Đắk Tô cấp ngày 11/11/2014 tên ông Lê Trọng C và bà Vũ Thị L.

Chị Vũ Thị L phải trả cho anh Lê Trọng C $\frac{1}{2}$ số tiền về việc chia tài sản chung là $487.025.083 : 2 = 243.512.542$ đồng, được trừ 50.000.000 đồng trong số tiền chị L trả ngân hàng, chị L còn phải trả cho anh C số tiền 193.512.542 (*Một trăm chín mươi ba triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm bốn mươi hai*) đồng.

Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Trọng C về việc chia tài sản chung là các vật dụng, đồ dùng trong nhà tại mục [2.3.2] phần nhận định.

[4] Về nợ chung:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị L về việc yêu cầu anh Lê Trọng C phải liên đới trả các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5101-LAV-202100403 ngày 02/02/2021, dư nợ là 26.900.000 đồng và hợp đồng số 5101-LAV-202004006 ngày 21/12/2020, dư nợ là 48.700.000 đồng tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Đ.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Vũ Thị L, anh Lê Trọng C và đại diện ngân hàng về việc trả khoản vay 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5101-LAV-202001461 ngày 05/5/2020. Chị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền

100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, lãi suất và thời hạn trả thực hiện theo các hợp đồng đã ký kết.

[5] Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thành T; đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Vũ Hồng Q và bà Lại Thị H; đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Vũ Ngọc P; đình chỉ yêu cầu độc lập của ông ông Vũ Hồng Q.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản :

Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lê Trọng C đã nộp đủ chi phí là 2.900.000 đồng, chị L phải trả lại cho anh C 1.450.000 (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng.

[7] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Trọng C phải chịu 6.087.813 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.850.000 đồng (theo biên lai số 0003931 ngày 26/8/2021 và biên lai số 0003945 ngày 24/9/2021), anh C đã nộp đủ, trả lại cho anh C số tiền 10.762.187 đồng (*Mười triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn một trăm tám mươi bảy*) đồng.

Chị Vũ Thị L phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 6.087.813 đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 6.237.813 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003928 ngày 05/8/2021, chị L còn phải nộp tiếp 5.937.813 (*Năm triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm mười ba*) đồng.

Trả lại cho ông Vũ Hồng Q và bà Lại Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003943 ngày 20/9/2021.

Trả lại cho anh Vũ Ngọc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 435.000 (*Bốn trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003942 ngày 20/9/2021.

Trả lại cho ông Vũ Hồng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 465.000 (*Bốn trăm sáu mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003944 ngày 20/9/2021.

Trả lại cho anh Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 612.500 (*Sáu trăm mười hai nghìn năm trăm*) đồng theo biên lai 0002356 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô.

[8] Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương

sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/01/2022); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Minh Huy

